TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 05-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh

Bà Bùi Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST- HS, ngày 08 tháng 3 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ là Ngô Thị L, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2- Phạm Văn T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1974, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q', xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, và bà Lưu Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ

ngày 06 tháng 12 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3- Phạm Văn T', sinh ngày 01 tháng 02 năm 1969, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q', xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Ngô Thị L'; bị cáo có vợ là Phạm Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: có 01 tiền án, tại bản án số 02/HSST, ngày 11 tháng 01 năm 1997, của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất nổ", đến thời điểm phạm tội (ngày 05 tháng 12 năm 2017) bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền phạt và án phí của vụ án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4- Vũ Đức Q'', sinh ngày 08 tháng 3 năm 1975, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q', xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức A và bà Phạm Thị P; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5- Nguyễn Đình K, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1981, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q', xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức K' và bà Đào Thị Th; bị cáo có vợ là Trần Thị Q, có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6- Nguyễn Văn L, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1963, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng và bà Vũ Thị N; bị cáo có vợ là Hoàng Thị P, có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7- Vũ Văn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1965, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q', xã A, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Lê Thị Th; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th', có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tại bản án số

175/HSST, ngày 29 tháng 6 năm 1990, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, về tội "Phá hủy công trình an ninh quốc gia" (Hành vi tháo máy bơm nước hợp tác xã lấy đồng bán, theo Bộ luật Hình sự năm 1999, hành vi phạm tội đã được chuyển hóa thành tội trộm cắp tài sản), tiền án này đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ **ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2017, Tổ công tác Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T' đang chơi "xóc đĩa" ăn tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), một bát sứ, một đĩa sứ và bốn quân vị hình tròn. Thu giữ trên người các bị cáo số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và một số tài sản khác, trong đó Vũ Văn C tự nguyện giao nộp số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền thu hồ của các đối tượng chơi bạc. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn C thu giữ số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định được như sau: Trưa ngày 05 tháng 12 năm 2017 Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Phạm Văn T', Vũ Đức Q, Nguyễn Đình K đang ngồi chơi, uống nước tại nhà Vũ Văn C, thì nảy sinh ý định chơi "xóc đĩa" ăn tiền và đi xuống phòng bếp nhà C chơi. K dùng kéo cắt bốn quân vị từ lá bài tú lơ khơ, bát, đĩa có sẵn ở bếp nhà C. L là người xóc cái, Đ nói "mỗi người nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho chủ nhà" và thu mỗi người chơi 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) rồi để ở chiếu gần chỗ C đang nằm trên võng, C cầm số tiền này, các bị cáo chơi bạc (xóc đĩa) đến 16 giờ cùng ngày thị bị cơ quan Công an khám xét bắt giữ, thu giữ tang vật như nội dung trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T', Vũ Đức C đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án ở trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS, ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T', Vũ Văn C về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều

46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 đối với Phạm Văn T'. Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 (chỉ áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Đình K), Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K. Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, đối với bị cáo Vũ Văn C. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Phạm Văn T' từ 06 đến 09 tháng tù; Vũ Văn C từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thừ thách từ 12 đến 18 tháng; Các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, đồng thời phù hợp với tang vật vụ án đã thu giữ được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Nên đã đủ cơ sở kết luận hồi 12 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại nhà bị cáo Vũ Đức C, được sự đồng ý của bị cáo C, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T' đã tham gia đánh bạc, bằng hình thức đánh xóc đĩa, ăn tiền. Hành vi đánh bạc, được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 đang có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không có lợi đối với người phạm tội được quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009. Nên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6

năm 2017 của Quốc Hội, hành vi đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T' được áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, để xem xét trách nhiệm hình sự. Bị cáo Vũ Đức C đồng ý cho 06 bị cáo đánh bạc tại nhà mình, thu tiền hồ, nên xác định C là đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc. Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 14.500.000đ (mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), nên các bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009.

[2] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay với tội danh nêu trên là cần thiết và cần xem xét, đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, cần đánh giá hành vi, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với mỗi bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[3] Về vai trò: Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T', cùng thống nhất và tham gia trực tiếp đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền, bị cáo K là người cắt quân vị, bị cáo L là người xóc cái, bị cáo Đ là người thu tiền hồ đưa cho bị cáo C, bị cáo Vũ Văn C đồng ý cho 06 bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Nên xác định bị cáo K, L, Đ có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Vũ Đức C phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Phạm Văn T' có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, nên các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn T', Vũ Văn C, Nguyễn Đình K có thời gian tham gia quân đội nên các bị cáo L, T', C, K còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, Phạm Văn T', Vũ Đức C đều có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành pháp luật tại nơi cư trú.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy: cần xử phạt cách ly bị cáo Phạm Văn T' một thời gian. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K, căn cứ khoản 3 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, có nội dung quy định: "Đối *với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã hối cải, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát giáo dục* ", nên áp dụng Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, xem xét cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội. Đối với bị cáo Vũ Đức C ngày 26 tháng 09 năm 1990, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội "Phá hủy công trình an ninh quốc gia", với hành vi trộm cắp máy bơm nước của hợp tác xã, tội phạm này theo Bộ luật Hình sự năm 1999 đã chuyển hóa thành tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt này, đến ngày phạm tội (ngày 05 tháng 12 năm 2017) đã được xóa án tích trên 20 năm. Theo hướng dẫn tại Điều 2 của Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về: "Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo" thì có thể xem xét cho bị cáo Vũ Đức C được hưởng án treo. Nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo như Kiểm sát viên đã viện dẫn và đề nghị tại phiên tòa là đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo, đều có tài sản riêng, nên cần phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K được xem xét hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xét các bị cáo đều là lao động tự do, không ổn định, nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Đối với: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêù hủy.

Đối với 14.500.000đ (mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc. Nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền thu giữ trên người các bị cáo là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu), trong đó thu của bị cáo Vũ Đức Q 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo Phạm Văn T 7.000.000đ (bảy triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo Nguyễn Đình K 8.000.000đ (tám triệu đồng), chỉ có số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của bị cáo Quốc khai là không dùng số tiền này để đánh bạc, còn các bị cáo T, L, K khai, nếu thua bạc sẽ bỏ tiếp số tiền này ra đánh bạc. Nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu của bị cáo Phạm Văn T

7.000.000đ (bảy triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo Nguyễn Đình K 8.000.000đ (hai triệu đồng); tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của bị cáo Quốc để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), cơ quan Công an thu giữ tại nơi ở của bị cáo Vũ Văn C, Cơ quan điều tra đã làm rõ không liên quan đến việc đánh bạc, nên đã trả lại theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T' 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ là 05 ngày (từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017) vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, xử phạt: Bị cáo Vũ Đức C 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 4 năm 2018) về tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 (chỉ áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Đình K), khoản 3 Điều 3, Điều 31, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T, Vũ Đức Q, Nguyễn Đình K.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, nơi bị cáo L cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, nơi bị cáo Đ cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, nơi bị cáo T cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm văn T, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Vũ Đức Q 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, nơi bị cáo Quốc cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Vũ Đức Q, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Đình K 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, nơi bị cáo K cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Đình K, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017, vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Vũ Đức Q, Phạm Văn T, Nguyễn Đình K cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú, thì Ủy ban nhân dân xã A có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện để thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009, phạt tiền các bị cáo Phạm Văn T', Vũ Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Phạm Văn T, Vũ Đức Q, Nguyễn Đình K mỗi bị cáo số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.500.000đ (mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu của bị cáo Phạm Văn T 7.000.000đ (bảy triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn L 2.000.000đ (hai triệu đồng), bị cáo Nguyễn Đình K 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của bị cáo Vũ Đức Q để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, có đặc điểm và kích thước được mô tả cụ thể trong biên bản bàn giao vật chứng và biên lai thu tiền số 4964 ngày 08 tháng 3 năm 2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp ***200.000đ*** *(hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- Phòng PV27, PC81 CA. TP;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện A;
- Công an huyện A;
- THA (HS);
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt